TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dạng

Ông Nguyễn Thành Đông

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần A, sinh ngày 30/04/1986 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: 0000, cấp ngày 19/04/2022

Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh Dương D, sinh ngày 01/01/1983 (Vắng mặt)

Căn cước số 000 cấp ngày 19/09/2024

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/5/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần A trình bày:

Về hôn nhân: Chị A và anh Dương D được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh S (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Từ lúc cưới nhau thì vợ chồng chị sống chung nhà cha mẹ ruột của chị tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh S và sống tại đây cho đến năm 2020 anh D bỏ chị về bên cha mẹ ruột của anh D sống cho đến nay, còn chị vẫn sống tại nhà cha mẹ ruột của chị, chị và anh D đã ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Những ngày tháng đầu vợ chồng sống chung không hạnh phúc nhưng vì thương con và sợ cha mẹ buồn lòng, nên kéo dài cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc cho đến nay, vợ chồng không có tiếng nói chung, phát sinh mâu thuẫn, hai bên không hợp nhau nên nói chuyện thường tranh cãi, mất hạnh phúc, hai bên không thể khắc phục được, từ khi ly thân đến nay không còn liên lạc, mạnh ai làm nấy ăn và nay chị hết sức chịu đựng. Nay chị A nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại. Nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh Dương D.

Về con chung: Chị A và anh Dương D có ba người con chung gồm cháu Dương T, sinh ngày 15/05/2004, Dương B, sinh ngày 12/4/2006 và cháu Dương K, sinh ngày 19/01/2012, hiện nay cháu T đã có gia đình riêng, cháu B đã trưởng thành đi làm thuê, còn cháu K cũng học hết lớp 6 là nghỉ học, đang sống cùng với cha là anh D nên chị giao cháu K cho anh D nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: chị A không yêu cầu xem xét.

Chị A xin được xét xử vắng mặt vì đi lại xa, tốn kém tiền bạc nhiều, gia đình không có điều kiện, chị còn đi làm thuê kiếm tiền nuôi mẹ chị.

2/ Bị bơn anh Dương D: Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần A nhưng anh D không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Còn bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần A, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần A ly hôn với anh Dương D; về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Dương K, sinh ngày 19/01/2012 cho anh Dương D nuôi dưỡng, còn cháu Dương T, sinh ngày 15/05/2004, Dương B, sinh ngày 12/4/2006 hiện nay đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Về cấp dưỡng nuôi con không ai yêu cầu gì đề nghị Hội đồng xét xử không

đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần A khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Dương D cư trú tại ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Nên Tòa án xác định loại kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Trần A vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Dương D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần A và anh Dương D là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 21/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh S (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị A và anh D, theo chị A cho rằng hiện nay chị A và anh D xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay tranh cãi, cuộc sống không có hạnh phúc nhưng vì thương con và sợ cha mẹ buồn lòng nên chị cố gắng chịu đựng đến nay chị không còn sức chịu đựng, chị A và anh D đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Cho nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh Dương D, anh D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị A. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị A và anh D đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, chị A đã ly thân với anh D từ năm 2020 đến nay không thể hàn gắn, mâu thuẫn giữa chị A và anh D là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần A được ly hôn với anh Dương D.

[4] Về con chung: Chị Trần A và anh Dương D có ba người con chung gồm cháu Dương T, sinh ngày 15/05/2004, Dương B, sinh ngày 12/4/2006 và cháu Dương K, sinh ngày 19/01/2012. Nhận thấy, cháu T và cháu B đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn cháu K đang sống cùng với cha là anh D nên chị A giao

cháu K cho anh D nuôi dưỡng. Anh D không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Giữa chị A và anh D không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu K hiện nay đã hơn 14 tuổi, chị A cũng có hỏi ý kiến cháu K thì cháu K có nguyện vọng sống chung với cha (anh D) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, hiện tại cháu K được cha ruột là anh D đang nuôi dưỡng nên cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu K cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp về mặt tâm sinh lý của cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho chị Trần A theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Trần A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010358, ngày 20/11/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Dương D không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần A được ly hôn với anh Dương D.

2/ Về con chung: Giao cháu Dương K, sinh ngày 19/01/2012 cho anh Dương D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trần A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn hai cháu Dương T, sinh ngày 15/05/2004, Dương B, sinh ngày 12/4/2006 hiện đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Trần A phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Trần A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010358, ngày 20/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Anh Dương D không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã L, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng